

Bản án số: 13/2025/DS-ST

Ngày: 04/7/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Cờ

- Bà Dương Tú Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân quận Đống Đa

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 2 – Hà Nội: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 192/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 164/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2025/QĐHPT ngày 11/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X

Trụ sở: Tầng H, Văn phòng số L+16 Tòa nhà V, số G L, (phường B, Quận A cũ) nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh A – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP X (E); Trụ sở: Số B P, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C – Chủ tịch Công ty (Hợp đồng ủy quyền số 74 ngày 05/6/2025). Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Ngô Thị T – Cán bộ E Chi nhánh H2 và bà Đàm Thị Thủy T1 theo (Giấy ủy quyền số 93C ngày 15/9/2024); Bà Vũ Thị T2 và Trương Thị V - Chuyên viên E Chi nhánh H2 theo giấy ủy quyền số 687/2025/EIBA/UQ-TGD ngày 25/6/2025, Địa chỉ liên hệ: Số B Bà T, (phường T, quận H cũ) nay là phường C, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1996

Đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số A, (tổ I, phường L cũ) nay là phường L, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần X do bà Đàm Thị Thủy T1 bà Vũ Thị T2, bà Tường Thị V trình bày như sau:

Ngày 09/9/2020, Ngân hàng TMCP X- PGD Nguyễn D (gọi tắt là Ngân hàng) với bà Trần Thị Thu H ký kết Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế, hạn mức tín dụng 120.000.000 đồng.

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế trên, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng Visa Platinum Cash Back cho bà Trần Thị Thu H, số thẻ V3088724, hình thức bảo đảm, tín chấp. Ngày 15/9/2020, bà Trần Thị Thu H nhận bàn giao thẻ tín dụng quốc tế Visa Platinum Cash Back, từ ngày 15/9/2020 đến ngày 26/9/2021, bà H luôn thanh toán đầy đủ dư nợ của Thẻ tín dụng. Từ ngày 27/9/2021, khoản vay thẻ tín dụng của bà H bị quá hạn.

Tại kỳ sao kê tháng 7/2021: bà H đã sử dụng thẻ số tiền phát sinh là: 121.697.896 đồng, số tiền bà H đã thanh toán là: 122.880.000 đồng, số dư của bà H là: 1.182.104 đồng.

Tại kỳ sao kê tháng 8/2021. Thẻ tín dụng của bà H phát sinh 03 giao dịch với các số tiền là: 5.300.000 đồng; 15.020.000 đồng và 19.999.900 đồng. Tổng phát sinh là: 40.319.900 đồng, trừ đi số dư 1.182.204 đồng của tháng 7/2021, số dư nợ gốc phát sinh trong ngày 26/8/2021 là 39.137.796 đồng (Ba mươi chín triệu một trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng).

Ngày 24/8/2021 (hạch toán ngày 27/8/2021), thẻ tín dụng của bà H tiếp tục phát sinh 02 giao dịch, tổng phát sinh dư nợ gốc là: 79.167.796 đồng. Số tiền nợ gốc này được tính lãi từ ngày 27/8/2021 đến ngày 29/8/2021.

Ngày 25/8/2021 (hạch toán ngày 30/8/2021), thẻ tín dụng của bà H tiếp tục phát sinh 02 giao dịch, tổng phát sinh dư nợ gốc là: 119.697.796 đồng. Số tiền nợ gốc này được tính lãi từ ngày 30/8/2021 đến ngày 09/9/2021.

Ngày 10/9/2021, thẻ tín dụng của bà H được hoàn tiền 200.000 đồng, tổng dư nợ gốc còn: 119.497.796 đồng. Số tiền nợ gốc này được tính lãi từ ngày 10/9/2021 đến nay.

Lãi suất thẻ tín dụng của bà H được điều chỉnh bởi các thông báo số 294/2019/EIB/TB-TTT ngày 07/01/2029; Thông báo số 1771/2022/EIB/TB-TTT ngày 14/3/2022; Thông báo số 1004/2003/EIB/TB-TTT ngày 23/5/22023.

Lãi suất của bà H tính từ ngày vi phạm 26/8/2021 đến ngày 09/5/2025 là 139,281,403 đồng. Có bản giải trình tính lãi của ngân hàng (BL 90). Phí thường niên là 1.200.000 đồng.

Nay ngân hàng xác định bà Trần Thị Thu H còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc và

lãi tạm tính đến ngày 04/4/2025 với tổng số tiền là: 265.921.350 đồng. Trong đó nợ gốc là: 119.497.796 đồng, lãi: 145.223.554 đồng, phí thường niên phát sinh của năm 2021: 1.200.000 đồng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thu H phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi, phí thường niên nêu trên.

Buộc bà Trần Thị Thu H phải thanh toán tiền lãi và các khoản phí phát sinh do chậm thanh toán tiếp tục tính từ ngày 10/5/2025 cho đến khi bà H thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 09/9/2020.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng triệu tập bà Trần Thị Thu H đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án nhưng không được. Qua xác nhận của Công an phường L thể hiện bà H đã đi khỏi địa phương, không rõ nơi ở hiện tại của H ở đâu. Do bà H chuyển khỏi nơi cư trú không thông báo cho Công an phường cũng như Ngân hàng là cơ quan mà bà H đang có giao dịch sử dụng thẻ tín dụng biết nơi cư trú mới của bà H, như vậy bà H có thể thấy bà H cố tình dấu địa chỉ. Do vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án tại địa chỉ nơi cư trú của bà H và tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa để triệu tập bà Trần Thị Thu H đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án. Do bà H không đến nên các thủ tục cho bà H tự khai, đối chất lời khai, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự không thực hiện được, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Thu H vắng mặt không có lý do. Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị Thu H có nơi cư trú tại: A, (Tổ I phường L, quận Đ cũ), nay là phường L, Thành phố Hà Nội. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 theo khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị Thu H, triệu tập bà H đến tham gia phiên tòa,

thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự tại phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Thu H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ký ngày 09/9/2020 giữa Ngân hàng TMCP X với bà Trần Thị Thu H được các bên ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy, xác định là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành với các bên. Bà Trần Thị Thu H được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng Visa Platinum Cash Back, số thẻ V3088724, hình thức bảo đảm, tín chấp. Ngày 15/9/2020, bà Trần Thị Thu H nhận bàn giao thẻ tín dụng quốc tế Visa Platinum Cash Back, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 241.185.592 đồng (*Hai trăm bốn mươi một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm chín mươi hai đồng*), bà H đã thanh toán là 124.262.104 đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn một trăm linh bốn đồng*). Sau đó, bà H không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nữa mặc dù đã được Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhiều lần. Ngày 10/9/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bà H, toàn bộ số tiền bà H chậm thanh toán nêu trên bà H phải chịu lãi vay trễ hạn theo thỏa thuận tại Điều 4 của Bản Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế có hiệu lực ngày 05/8/2018 của Ngân hàng TMCP X. Nay ngân hàng xác nhận tạm tính đến ngày 04/7/2025, bà Trần Thị Thu H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi, phí thường niên là: 265.921.350 đồng. Trong đó nợ gốc là: 119.497.796 đồng, lãi: 145.223.554 đồng, phí thường niên phát sinh của năm 2021: 1.200.000 đồng sau đó bà H vi phạm nên Ngân hàng đã chấm dứt sử dụng thẻ của bà H. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thu H phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nêu trên.

[3.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ký ngày 09/9/2020, bản sao kê sử dụng thẻ tín dụng của bà Trần Thị Thu H với Ngân hàng TMCP X đủ cơ sở để xác nhận bà Lưu Lệ H1 còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là: 119.497.796 đồng (*Một trăm mười chín triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng*) nên việc Ngân hàng TMCP X đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thu H phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2]. Xét yêu cầu tính lãi: Căn cứ Điều 4 của Bản Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế có hiệu lực ngày 05/8/2018 của Ngân hàng TMCP X quy định: “*Khi đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ thanh toán toàn bộ số dư nợ cuối kỳ thì E sẽ miễn lại cho toàn bộ giao dịch thẻ phát sinh của chủ thẻ. Nếu Chủ thẻ không thanh toán đủ toàn bộ số dư nợ cuối kỳ thì E sẽ thực hiện tính lãi theo phương pháp dư nợ giảm dần*”

kể từ ngày phát sinh nợ. Các giao dịch rút tiền mặt sẽ được tính lãi ngày khi phát sinh dư nợ trên sao kê theo phương thức giảm dần”

Bà Trần Thị Thu H đã sử dụng các giao dịch từ thẻ, ngày cuối cùng bà H phát sinh giao dịch từ thẻ tín dụng quốc tế là ngày 25/8/2021, sau đó bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng tính lãi toàn bộ số dư nợ gốc 119.497.796 đồng của bà H từ ngày 30/8/2021. Do bà H đã vi phạm Điều 4 của Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế có hiệu lực ngày 05/8/2018 của Ngân hàng TMCP X nên ngày 30/8/2021 Ngân hàng đã tính lãi toàn bộ số dư nợ gốc của bà H là đúng quy định của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tạm tính đến ngày 04/7/2025, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 145.223.554 đồng, lãi suất thỏa thuận trong từng thời kỳ là 28,20%, 30,60% và 33,00%/ năm. Tổng số tiền lãi bà H phải chịu do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến ngày 04/7/2025 là: 145.223.554 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP X buộc bà Lưu Lệ H1 phải thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn là: 145.223.554 đồng.

[3.3]. Xét yêu cầu tính phí thường niên là 1,200.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy, theo thỏa thuận tại Điều 4 của Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế có hiệu lực ngày 05/8/2018 của Ngân hàng TMCP X có thỏa thuận Chủ thẻ phải trả phí hàng năm để sử dụng các tiện ích của thẻ. Do vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc bà H1 phải thanh toán 1.200.000 đồng phí thường niên sử dụng thẻ của năm 2021 là có căn cứ nên được chấp nhận.

Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi, phí thường niên bà Trần Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X là: 265.921.350 đồng (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi một nghìn ba trăm năm mươi đồng*).

Về án phí: Ngân hàng TMCP X được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với bà Trần Thị Thu H về việc thanh toán số tiền chậm trả theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

2. Xác nhận bà Trần Thị Thu H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền nợ gốc và lãi, phí thường niên là 265.921.350 đồng. Trong đó nợ gốc là: 119.497.796 đồng, lãi: 145.223.554 đồng, phí thường niên phát sinh của năm 2021: 1.200.000 đồng.

3. Buộc bà Trần Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền là 265.921.350 đồng (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi một nghìn ba trăm năm mươi đồng*).

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thu Hương H phải chịu **13.296.067 đồng** (Mười ba triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần X **5.862.049 đồng** (Năm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn không trăm bốn mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026008 ngày 17/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xử án sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần X. Vắng mặt bà Trần Thị Thu H. Ngân hàng X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bà Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Hà Nội;
- PTHA DS khu vực 2 – Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cờ Dương Tú Anh

Đặng Thị Hường